TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15- 8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thụy Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đức Hạnh**
2. Bà **Lê Ngọc Kiệp**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Phạm Thúy Hằng**, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Lào** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 155/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị T, sinh năm 1994. Số căn cước công dân: 095194009748, cấp ngày 09/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau). Chổ ở hiện nay ấp N, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp N, xã V, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Minh C, sinh năm 1982. Số căn cước công dân: 095082006870, cấp ngày 18/11/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Lưu Thị T trình bày: Tôi và ông C tự nguyên xây dựng hôn nhân, được gia

đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 03/02/2012, theo giấy chứng nhận kết hộn số 17, quyền số 05/2012. Giai đoạn đầu sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024, mâu thuẫn trầm trọng là tháng 1/2025. Nguyễn nhân mẫu thuẫn là do bất đồng ý kiến, gia đình ông C mê tín dị đoan, ông C thiếu tin tưởng, tôn trọng tôi, làm việc gì ông C không hỏi ý kiến của tôi.

Ngoài ra, vợ chồng tôi cũng có mâu thuẫn từ tình cảm. Cụ thể khi tôi sinh cháu P năm 2014, ông C bắt đầu ra ngủ riêng với lý do con còn nhỏ, để tôi có thời gian chăm con. Đến khoảng năm 2023, cháu P tầm 09 đến 10 tuổi, tôi có đề xuất với ông C, con lớn rồi, vợ chồng phải ngủ chung, vì vợ chồng còn trẻ, bản thân tôi cũng cần sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc từ chồng, nhưng ông P không chịu cho rằng ngủ riêng quen rồi. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cứ sáng tôi đi làm, chiều tối về mạnh ai nấy ngủ, rồi lại sáng mạnh ai nấy đi làm, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung có 02 người: Cháu Phan Ngọc T1, sinh ngày 14/4/2012 và cháu Phan Minh P, sinh ngày 10/11/2014. Hiện hai con đã theo tôi về nhà mẹ ruột tôi ở tại ấp N, xã V, tỉnh Cà Mau. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng cháu T1, cháu P, nếu các con theo tôi thì tôi đồng ý nuôi và không yêu cầu ông C cấp dưỡng. Nếu các con theo ông C thì tôi cũng đồng ý và không phải cấp dưỡng.

Hiện tôi làm thuê, may gia công, lương bình quân 03 triệu đến 04 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, việc nuôi cháu T1, cháu P, mẹ tôi có hỗ trợ, mẹ tôi đang ở bên nước Hàn Quốc với người chị của tôi, do chị tôi có chồng Hàn Quốc, do đó mẹ cũng có gửi tiền để tôi lo cho các con tôi, nên cuộc sống của mấy mẹ con tôi cũng ổn định.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà có cấu trúc lợp tol, vách thiết, nền gạch tàu, cất trên đất cha mẹ chồng, chưa tách quyền sử dụng. Phần xác nhà do vợ chồng làm tích lũy để cất nhà, căn nhà là tài sản chung của vợ chồng, ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Đơn khởi kiện tôi xác định không có tài sản chung là do tôi thấy không có giá trị bao nhiêu. Phần tài sản chung là xác nhà tôi với ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn ông Phan Minh C trình bày: Tôi thống nhất lời trình bày của bà T về hôn nhân và con chung, tài sản chung, nợ chung. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn, cự cải dâm câu, tôi chưa chửi, chưa đánh vợ lần nào. Do gia đình khó khăn, nên khi sinh cháu P năm 2014, tôi có đề xuất với chị T ngủ riêng để chị T ngủ với các con, do giường ngủ chật hẹp, khi nào con lớn, vợ chồng ngủ chung lại. Đến khoảng năm 2022, 2023 chị T có nói các con cũng lớn rồi, chị T muốn vợ chồng ngủ chung, tôi có nói ngủ riêng quen rồi, nhưng sau đó tôi có để xuất chị T là để con ngủ riêng, hai vợ chồng ngủ riêng, nhưng vợ không chịu, muốn vợ chồng ngủ chung với con. Ngoài ra, do tôi đi làm nên không có thời gian quan tâm, chăm sóc vợ chu đáo như người khác nên có đôi khi vợ tôi không hài lòng về việc đó.

Quá trình chung sống, tôi phát hiện chị T không nghe tôi, nói gì cũng không đồng ý, gần gủi cũng không cho, từ đó vợ tôi bỏ về nhà mẹ ruột ở từ tháng 3/2025 đến nay và cũng từ đó ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian đó, tôi có đến năng nĩ vợ về nhưng vợ

tôi không đồng ý, Tòa án cũng nhiều lần động viên, hàn gắn nhưng vợ tôi kiên quyết ly hôn. Bản thân tôi còn thương vợ, thương con nên tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Giả sử có căn cứ ly hôn thì về con chung, tôi yêu cầu xem xét nguyện vọng cháu T1, cháu P, nếu các con theo tôi thì tôi đồng ý nuôi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Nếu các con theo chị T thì tôi cũng đồng ý và không phải cấp dưỡng.

Tài sản chung: Có 01 căn nhà, cất trên đất cha mẹ tôi, chiều ngang 5m, dài 15m, căn nhà có cấu trúc lợp tol, vách thiết, nền gạch tàu, phần đất cha mẹ tôi chưa tách quyền sử dụng đất, căn nhà là tài sản chung của vợ chồng, ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Phần tài sản chung là xác nhà tôi với chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Phan Ngọc T1, sinh ngày 14/4/2012 và cháu Phan Minh P, sinh ngày 10/11/2014 cho bà T tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 02 tháng 4 năm 2025, bà T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với ông C. Ông C đăng ký thường trú tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau). Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà T và ông C bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 03/02/2012, theo giấy chứng nhận kết hộn số 17, quyền số 05/2012 nên hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Bà T và ông C thống nhất xác định quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Theo ông Chánh T2 bay, bà T không nghe lời, bản thân ông lo đi làm thiếu đi sự quan tâm, nhưng ông C còn thương vợ, thương con nên ông C không đồng ý ly

hôn theo yêu cầu bà T; riêng bà T xác định vợ chồng chung sống nhưng ông C thiếu sự tôn trọng bà, gia đình ông C mê tín dị đoan; vợ chồng trẻ nhưng từ khi sinh cháu P năm 2014 ông C để xuất vợ chồng ngủ riêng, điều này được ông C thừa nhận. Xét thấy cuộc sống vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau nên bà T không còn tình cảm với ông C từ đó bà T yêu cầu ly hôn với ông C.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T với ông C không còn hạnh phúc, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng từ tháng 3/2025 đến nay, cụ thể bà T đã cùng các con về nhà mẹ ruột sinh sống và từ đó vợ chồng cũng đã ly thân cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C.

[4]. Về con chung: Bà T và ông C chung sống với nhau có 02 người con chung là cháu Phan Ngọc T1, sinh ngày 14/4/2012 và cháu Phan Minh P, sinh ngày 10/11/2014, hiện nay cháu T1, cháu P đang sống chung với bà T tại ấp N, xã V, tỉnh Cà Mau.

Qua xem xét nguyện vọng cháu T1, cháu P có nguyện vọng sống chung với bà T, không yêu cầu ông C cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai là phải xem xét toàn vẹn các điều kiện về vật chất, tinh thần đảm bảo cho sự phát triển của con chưa thành niên. Trên cơ sở ý kiến của cháu T1, cháu P và được sự đồng ý của bà T, đồng thời để đảm bảo sự ổn định ăn ở, học hành, sinh hoạt của cháu T1, cháu P cần tiếp tục giao cháu T1, cháu P cho bà T nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Bà T và ông C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7]. Về nợ chung: Bà T và ông C xác định, quá trình chung sống không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà T phải chịu 300.000 đồng, bà T nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004801 ngày 16 tháng 5 năm 2025 được chuyển thu án phí

[9]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 84 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lưu Thị T đối với ông Phan Minh C. Xử cho bà Lưu Thị T ly hôn đối với ông Phan Minh C.

2. Về con chung: Giao Phan Ngọc T1, sinh ngày 14/4/2012 và cháu Phan Minh P, sinh ngày 10/11/2014 cho bà Lưu Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu T1 và cháu P đang sống cùng bà T.

Ông C không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà T và ông C xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà T phải chịu 300.000 đồng, bà T nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004801 ngày 16 tháng 5 năm 2025 được chuyển thu án phí

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mạu;
- VKSND khu vực 7- Cà Mau
- Phòng THADS khu vực 7- Cà Mau
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Hội
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi